**Phụ lục 03**

# TÀI LIỆU GIỚI THIỆU NGHỊ ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP QUÝ, HIẾM VÀ THỰC THI CÔNG ƯỚC VỀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP

*(Kèm theo văn bản số: 559/TCLN-PCTT ngày 25/4/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp)*

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Nghị định 06/2019/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2019.

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) được cộng đồng quốc tế thực thi từ năm 1973 và Việt Nam là thành viên từ năm 1994. Về nội luật hoá các quy định của CITES, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Lâm nghiệp và Luật Thuỷ sản. Đây là bước tiến lớn trong việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Công ước CITES trên lãnh thổ Việt Nam đồng thời cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu của Đảng, Nhà nước và tạo khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển, sử dụng, chế biến và thương mại động vật, thực vật hoang dã theo định hướng thị trường và tuân thủ các quy định quốc tế.

2. Luật Lâm nghiệp giao Chính phủ: quy định Danh mục và chế độ quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; quy định chi tiết điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp phép trồng cấy nhân tạo và gây nuôi các loài thực vật rừng, động vật rừng thuộc Phụ lục CITES, loài động vật rừng thông thường. Luật Lâm nghiệp giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan đề xuất việc ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về lâm nghiệp; là cơ quan đầu mối, đại diện quốc gia thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

3. Trước sự thay đổi, diễn biến của xu thế thương mại toàn cầu diễn ra cả ở Việt Nam, việc thực hiện Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Nghị định số 82/2006/NĐ-CP đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập không còn phù hợp với thực tiễn hoặc chưa đáp ứng đầy đủ các quy định của

Do vậy, việc xây dựng Nghị định về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi CITES để thay thế các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực đồng thời bổ sung thêm các quy định để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mới phát sinh, phù hợp với Luật Lâm nghiệp và quy định của CITES là cần thiết.

## II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

### 1. Mục tiêu

- Cụ thể hoá các quy định tại các điều, khoản của luật Lâm nghiệp và đảm bảo thực thi CITES mà Việt Nam là quốc gia thành viên.

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về Lâm nghiệp; tạo điều kiện cho việc quản lý, bảo tồn, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên động vật, thực vật hoang dã; bảo đảm lợi ích tổ chức, cá nhân kinh doanh hợp pháp trong lĩnh vực này; đảm bảo hội nhập quốc tế.

### 2. Quan điểm

- Việc xây dựng Nghị định phải hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo thực hiện Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Kế thừa những nội dung phù hợp tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đồng thời khắc phục những tồn tại, bất cập; bổ sung những quy định mới phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp, CITES và thực tiễn quản lý; có tính khả thi cao, trách sự chồng chéo, thiếu thống nhất.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương trong việc quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật rừng, thực vật rừng hoang dã thuộc các Phụ lục CITES; gắn quyền, lợi ích hợp pháp và trách nhiệm của người dân địa phương khi tham gia.

- Giải quyết được các quan hệ xã hội liên quan chưa được điều chỉnh, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

- Bảo đảm đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định rõ các điều kiện đầu tư, kinh doanh, cắt giảm tối đa thời gian cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận.

## III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của Nghị định

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được bố cục thành 5 chương, 42 điều và 01 Phụ lục, cụ thể:

Chương I. Quy định chung gồm 03 điều.

Chương II. Danh mục, chế độ quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường, gồm 08 điều

Chương III. Thực thi CITES: gồm 6 Mục, 26 điều

Chương IV. Tổ chức thực hiện, gồm 02 điều

Chương V. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều

**2. Nội dung cơ bản của Nghị định**

- Chương I: Những quy định chung, gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3), quy định về:

+ Phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Nghị định này quy định: (i) Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; (ii) chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và (iii) thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp tại Việt Nam.

+ Đối tượng áp dụng (Điều 2): Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES; nuôi động vật rừng thông thường.

+ Giải thích từ ngữ (Điều 3) gồm khái niệm về 28 thuật ngữ sinh học và thuật ngữ của CITES được nội luật hoá.

- Chương II: Danh mục, chế độ quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường gồm 8 Điều (từ Điều 4 đến Điều 11)

+ Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Điều 4) chia làm 02 nhóm với chế độ quản lý, bảo vệ khác nhau: Nhóm I – Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại gồm 92 loài động vật rừng và 39 loài thực vật rừng. Nhóm II – Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại gồm 87 nhóm loài và loài thực vật rừng và 55 loài thực vật rừng.

+ Chế độ quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật rừng thông thường được quy định đồng bộ từ bảo vệ (Điều 5), điều tra, đánh giá (Điều 6), nghiên cứu khoa học (Điều 7), xử lý động vật rừng xâm hại, đe doạ tính mạng, tài sản của con người (Điều 8), khai thác, nuôi, trồng, chế biến, kinh doanh, quảng cáo, vận chuyển, xuất khẩu (Điều 9) đến xử lý sau tịch thu (Điều 10) và nuôi động vật rừng thông thường (Điều 11).

- Chương III: Thực thi CITES gồm 6 mục, từ Điều 12 đến Điều 37.

+ Mục 1. Khai thác (Điều 12, Điều 13), quy định về: (i) các trường hợp được phép khai thác mẫu vật các loài thuộc Phụ lục I và II CITES và (ii) trách nhiệm kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp, thuỷ sản đối với hoạt động khai thác.

+ Mục 2. Nuôi, trồng (từ Điều 14 đến Điều 18), quy định nội dung về: điều kiện nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục CITES không vì mục đích thương mại và vì mục đích thương mại); mã số cơ sở nuôi trồng; cơ quan cấp mã số và trình tự thủ tục đăng ký cấp mã số, huỷ mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thuộc

Phụ lục CITES; xử lý động vật, thực vật do chủ cơ sở nuôi, trồng tự nguyện trao trả cho nhà nước.

+ Mục 3. Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh gồm 10 Điều (từ Điều 19 đến Điều 28), quy định điều kiện: (i) xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên; (ii) xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo của các loài thuộc Phụ lục CITES; (iii) quá cảnh mẫu vật sống động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES. Quy định về giấy phép, chứng chỉ CITES và trình tự, thủ tục cấp giấy phép CITES, chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm, chứng chỉ CITES mẫu vật tiền Công ước và việc cấp giấy phép CITES qua hệ thống thủ tục hành chính một cửa quốc gia.

+ Mục 4. Chế biến, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ (Điều 29 và Điều 30), quy định: điều kiện chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày, vận chuyển, cất giữ mẫu vật các loài thuộc Phụ lục CITES.

+ Mục 5. Giám định và xử lý sau tịch thu (Điều 31 và Điều 32), quy định: (i) những trường hợp cần giám định, (ii) cách thức thực hiện, chi phí thực hiện và (iii) cơ quan giám định. Quy định việc xử lý đối với: mẫu vật sống, mẫu vật mang dịch bệnh, mẫu vật có nguồn gốc nước ngoài.

+ Mục 6. Biện pháp đảm bảo thực thi CITES gồm 5 Điều (từ Điều 33 đến Điêu 37), quy định về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, Cơ quan khoa học CITES Việt Nam; quy định về xây dựng và công bố hạn ngạch khai thác, xuất khẩu; thống kê và lưu giữ mẫu vật các loài thuộc Phụ lục CITES sau tịch thu.

- Chương IV: Tổ chức thực hiện gồm 02 Điều, quy định: (i) trách nhiệm quản lý các cơ sở nuôi, trồng và (ii) trách nhiệm của các cơ quan trong kiểm soát hoạt động buôn bán quốc tế các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài thuộc Phụ lục CITES.

- Chương V: Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (từ Điều 40 đến Điều 42), quy định về hiệu lực thi hành, chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

+ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định 07 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 04 Nghị định của Chính phủ, 03 Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng.

+ Quy định chuyển tiếp đối với các chính sách hiện hành của Nhà nước về: quản lý loài vừa thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm vừa thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; cơ sở nuôi trồng vì mục đích thương mại và không vì mục đích thương mại; tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chứng chỉ, chấp thuận quá cảnh, đăng ký cơ sở nuôi trồng.

**3. Những nội dung mới cơ bản của Nghị định**

So với các quy định hiện hành, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP có những điểm mới cơ bản sau:

***3.1. Về phạm vi điều chỉnh***

Nghị định đã mở rộng phạm vi điều chỉnh theo hướng liên kết theo chuỗi các hoạt động từ quản lý, bảo vệ, khai thác, chế biến, kinh doanh và thương mại, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh nhưng vẫn đáp ứng các nguyên tắc về bảo tồn bền vững, tuân thủ các quy định của quốc tế, đặc biệt là quy định của CITES, tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Thuỷ sản về khai thác, quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

***3.2. Về giải thích thuật ngữ***

So với Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Nghị định số 82/2006/NĐ-CP, Nghị định mới bổ sung thêm nhiều thuật ngữ phù hợp và cập nhật với các quy định hiện hành của CITES gồm: bộ phận, dẫn xuất, vườn động vật, vườn thực vật, cơ sở nuôi, mục đích thương mại và phi thương mại… Các khái niệm này đã được đề cập tại nhiều văn bản nhưng chưa được giải thích cụ thể. Đặc biệt Nghị định đã đưa khái niệm động vật rừng thông thường để phân biệt với động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, sử dụng khái niệm "cơ sở nuôi" thay thế cho "trại nuôi".

***3.3. Về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm***

Tiếp tục kế thừa các quy định trước đây, Nghị định đề ra các quy định cụ thể từ danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và đi kèm là các nguyên tắc đối xử với loài trong danh mục gồm: bảo vệ, điều tra, đánh giá, nghiên cứu, xử lý, khai thác thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và nuôi động vật rừng thông thường, trong đó:

- Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm: được kế thừa từ Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, bổ sung thêm một số loài, đặc biệt là những loài có phân bố ở Việt Nam đã được đưa vào Phụ lục I CITES (thằn lằn cá sấu, tắc kè đuôi vàng), loài đang được đề xuất vào Phụ lục I CITES (các loài rùa hộp), các loài lan có phân bố tại Việt Nam, các loài chim ăn thịt, điều chỉnh tên loài (phụ loài) có phân bố ở Việt Nam như hổ Đông Dương *Panthera tigris corbetti*. Việc lập Danh mục động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được hài hoà hoá với Phụ lục CITES đối với các loài phân bố tự nhiên tại Việt Nam và đảm bảo một loài, nhóm loài quy định tại một danh mục có cùng một chế độ quản lý được nội luật hoá tương ứng với loài, nhóm loài thuộc Phụ lục CITES. Quy định này điều chỉnh việc cập nhật Danh mục linh hoạt với thay đổi của Phụ lục CITES.

- Quy định rõ trách nhiệm của: (i) Bộ Nông nghiệp và PTNT (phạm vi cả nước), (ii) UBND cấp tỉnh (phạm vi tỉnh) đồng thời khuyến khích vai trò chủ

động của chủ rừng trong điều tra đánh giá hiện trạng các loài động vật rừng, thực vật rừng quý hiếm.

- Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học về thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo nguyên tắc quy định tại Luật Lâm nghiệp (tuân thủ Quy chế quản lý rừng), bãi bỏ thủ tục cấp phép nghiên cứu khoa học về thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm. Quy định này tạo tính chủ động, tự quyết cho chủ rừng và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp địa phương, giảm thiểu thủ tục hành chính và chi phí phát sinh (Điều 7).

- Quy định Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện có quyền quyết định việc bẫy, bắt, bắn cá thể động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm tấn công trực tiếp đến tính mạng con người ở ngoài các khu rừng đặc dụng, phòng hộ (Điều 8). Đây thực chất là phân cấp triệt để và tạo điều kiện chủ động cho chính quyền địa phương cơ sở. Quy định này góp phần sửa đổi quy định cũ (Điều 11, Nghị định số 32/2006/NĐ-CP).

- Quy định hoạt động nuôi động vật rừng thông thường đảm bảo các điều kiện về nguồn gốc, an toàn, môi trường, thú y, thực hiện mở sổ theo dõi vật nuôi (Điều 11). Như vậy, Nghị định đã bãi bỏ Danh mục động vật rừng thông thường và quy định "Cơ sở nuôi với số lượng thú trên 20 cá thể; lớp bò sát trên 50 cá thể; lớp lưỡng cư trên 100 cá thể; khi xây dựng phải cách trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 2a00m".

3.4. Về thực thi CITES (Chương III)

Nội dung về thực thi CITES được quy định phù hợp với các quy định hiện hành của Công ước CITES, bao gồm khai thác, nuôi trồng, buôn bán quốc tế, chế biến, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ, giám định, xử lý sau tịch thu và các biện pháp đảm bảo thực thi.

- *Về khai thác, nuôi trồng*

Nghị định đã cụ thể hoá các quy định hiện hành của CITES, đặc biệt là các Nghị quyết của Hội nghị các nước thành viên CITES về khai thác, nuôi trồng mẫu vật thuộc Phụ lục CITES. Theo đó, Nghị định đã bổ sung những quy định mới sau:

+ Quy định hoạt động khai thác mẫu vật thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm mẫu vật của loài thực vật rừng, động vật rừng thuộc Nhóm I tương tự như loài thuộc Phụ lục I, loài thực vật rừng, động vật rừng thuộc Nhóm II tương tự như loài thuộc Phụ lục II. Ưu tiên việc khai thác từ tự nhiên phục vụ cho mục đích: (i) khoa học, (ii) tạo giống và (iii) công tác đối ngoại, chỉ cho phép buôn bán thương mại đối với loài thuộc Nhóm II hoặc Phụ lục II.

+ Quy định hoạt động nuôi, trồng các động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES: (i) không vì mục đích thương mại phải lập sổ nuôi, trồng (theo mẫu quy

định) và (ii) vì mục đích thương mại phải có phương án nuôi, trồng và phải lập sổ nuôi, trồng (theo mẫu quy định).

+ Quy định việc cấp mã số đối với cơ sở nuôi, trồng là bắt buộc, thay thế cho giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi và thống nhất áp dụng trên toàn quốc: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam cấp mã số đối với cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Nhóm I (Phụ lục I), cơ quan Kiểm lâm, cơ quan Thuỷ sản địa phương cấp mã số đối với cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Nhóm II (Phụ lục II, III). Đây cũng là điều kiện để các cơ sở nuôi, trồng được phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo. Trường hợp cơ sở nuôi có nhiều loài có quy chế, bảo vệ khác nhau thì mã số của cơ sở nuôi theo loài có quy chế quản lý, bảo vệ cao nhất. Các cơ sở nuôi có thể gửi hồ sơ đề nghị cấp mã số qua điện tử. Nghị định cũng quy định việc huỷ mã số của cơ sở nuôi khi cơ sở nuôi đề nghị hoặc không đáp ứng các điều kiện nuôi, trồng hoặc vi phạm các quy định hiện hành.

+ Quy định mẫu sổ theo dõi áp dụng cho hoạt động nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES và động vật rừng thông thường.

+ Quy định xử lý động vật hoang dã nuôi do chủ nuôi tự nguyện trao trả cho Nhà nước. Đây là quy định mới nhằm xử lý các trường hợp tự nguyện trao trả với các biện pháp hiệu quả: tái thả tự nhiên đối với động vật khoẻ mạnh hoặc tiêu huỷ đối với động vật bị bệnh. Đối với hoạt động này, Nghị định ban hành mẫu Bảng kê lâm sản cho riêng động vật hoang dã. Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh là cơ quan xử lý đối với động vật trên cạn, cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản cấp tỉnh là cơ quan xử lý đối với động vật thuỷ sản.

*- Về buôn bán quốc tế (Mục 3)*

+ Quy định hoạt động giấy phép CITES xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất bao gồm cả bản giấy và bản điện tử (thông qua Hệ thống thủ tục hành chính một cửa quốc gia), góp phần giảm tải chi phí và thời gian cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện CITES.

+ Quy định trình tự, thủ tục cấp phép CITES nhập nội từ biển mẫu vật động vật, thực vật hoang dã (Điều 26) nhằm đáp ứng các quy định của CITES, thể chế hoá các quy định của Đảng về chủ quyền lãnh thổ trên đất liền và vùng biển.

+ Quy định thủ tục cấp chứng chỉ CITES mẫu vật tiền Công ước mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp nhằm đáp ứng các quy định của CITES đối với các mẫu vật có nguồn gốc tiền Công ước (Điều 27).

+ Quy định các điều kiện để được vận chuyển quá cảnh mẫu vật động vật sống thuộc Phụ lục CITES, không quy định thủ tục hành chính.

*- Về chế biến, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ (mục 4)*

+ Quy định hoạt động chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày mẫu vật thuộc Phụ lục CITES phải đáp ứng các điều kiện: (i) tuân thủ các hiện hành của nhà nước; (ii) mẫu vật có nguồn gốc hợp pháp, có sổ theo dõi hoạt động; (iii) được sử dụng vì mục đích thương mại đối với: (a) mẫu vật thuộc Phụ lục II CITES khai thác hợp pháp từ tự nhiên (b) các loài động vật thuộc Phụ lục I có nguồn gốc sinh sản từ thế hệ F2, các loài thực vật thuộc Phụ lục I có nguồn gốc trồng cấy nhân tạo, mẫu vật thuộc Phụ lục II có nguồn gốc gây nuôi sinh sản từ thế hệ F1, (c) mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II sau xử lý tịch thu.

+ Nhằm đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm, Nghị định còn quy định về truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm chế biến từ động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES (khoản 3, Điều 29), đảm bảo hoạt động chế biến thực hiện hợp pháp, đáp ứng các quy định của quốc tế, đặc biệt là quy định của CITES về truy xuất nguồn gốc.

*- Về giám định và xử lý sau tịch thu (mục 5)*

+ Quy định về giám định là nội dung mới của Nghị định. Quy định này góp phần giải quyết thực trạng các khó khăn trong thực thi thực thi Công ước CITES của các cơ quan chức năng Việt Nam theo hướng quy định: (i) những trường hợp cần giám định, (ii) cách thức thực hiện, chi phí thực hiện và (iii) cơ quan giám định.

+ Về xử lý mẫu vật bị tịch thu, kế thừa các quy định trước đây của pháp luật Việt Nam và CITES, Nghị định quy định cụ thể cách thức xử lý mẫu vật sống, mẫu vật chết. Quy định việc xử lý mẫu vật sống của loài thuộc Nhóm I, II và Phụ lục I, II CITES phù hợp với các quy định hiện hành của CITES: ưu tiên việc chăm sóc, tránh gây tổn thương, thả lại môi trường tự nhiên hoặc chuyển giao cho cơ sở cứu hộ nếu mẫu vật yếu. Bên cạnh đó, Nghị định quy định xử lý mẫu vật chết của loài thuộc Nhóm I theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công. Đối với mẫu vật có nguồn gốc nước ngoài thì ưu tiên trả lại nước xuất xứ nếu xác định được nước xuất xứ.

*- Về biện pháp bảo đảm thực thi CITES (mục 6)*

+ Quy định về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam về cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 82/2006/NĐ-CP và tuân thủ quy định của Công ước CITES, xác định Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đây là cơ quan thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước về kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã, thực hiện quyền và nghĩa vụ của quốc gia thành viên CITES (Điều 33).

+ Quy định Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định các cơ quan khoa học có chuyên môn và năng lực phù hợp làm Cơ quan khoa học CITES Việt Nam (Điều 34). Đây là điểm mới so với quy định trước đây tại Nghị định số 82/2006/NĐ-CP, tạo khuôn khổ pháp lý cho việc chỉ định các cơ

quan khoa học đáp ứng các tiêu chí khoa học, hỗ trợ cho các cơ quan thực thi trong công tác giám định.

+ Quy định hạn ngạch xuất khẩu và hạn ngạch khai thác là điểm mới nhất của Nghị định (Điều 35). Mục đích chính là nhằm thực hiện ưu tiên hàng đầu của Công ước CITES: buôn bán quốc tế không làm tổn hại đến quần thể loài trong tự nhiên. Do đó, Nghị định quy định chặt chẽ về mức độ tuân thủ các thông báo về hạn ngạch xuất khẩu do Ban thư ký CITES công bố và sự phối hợp giữa Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam và Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trong việc quyết định xây dựng hạn ngạch.

+ Quy định về thống kê và lưu giữ mẫu vật thuộc Phụ lục CITES sau tịch thu (Điều 37): là một trong những điểm mới, cập nhật và nhằm đáp ứng các quy định ngày càng cao của Hội nghị các nước thành viên CITES đối với Việt Nam các quy định hiện hành của CITES về thống kê và lưu giữ các mẫu vật là tang vật của các vụ bắt giữ. Nghị định quy định nhiệm vụ cụ thể của cơ quan quản lý tài sản công đối với các mẫu vật hiện đang được lưu giữ tại cơ quan trực thuộc. Đây là căn cứ để Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam báo cáo Hội nghị các nước thành viên CITES và Ban thư ký CITES.

3.5 Về tổ chức thực hiện (Chương IV)

Để đảm bảo việc tổ chức thực hiện đồng bộ Công ước CITES tại Việt Nam, Nghị định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong thực thi CITES, cụ thể:

- Quy định cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh là cơ quan quản lý, giám sát hoạt động khai thác, nuôi trồng các loài động vật, thực vật hoang dã trên cạn; cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản cấp tỉnh là cơ quan quản lý, giám sát hoạt động khai thác, nuôi trồng các loài thuỷ sinh (Điều 38). Đặc biệt, công tác quản lý được tăng cường thông qua hệ thống sổ theo dõi và được cập nhật hàng năm đến Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.

- Quy định cơ quan Hải quan: xác nhận số lượng mẫu vật xuất khẩu, nhập khẩu thực tế căn cứ trên giấy phép CITES và gửi bản sao cho Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam (khoản 1, Điều 39).

- Quy định các cơ quan: Kiểm lâm, Thuỷ sản, Hải quan, Công an, Bộ đội Biên phòng, Thuế, Quản lý thị trường, Thú y, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật, Bảo vệ Môi trường, Bảo tồn đa dạng sinh học có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, xử lý và phối hợp, thông tin các vụ vi phạm đến Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam (khoản 2, Điều 39).

3.6. Về điều khoản thi hành (Chương V)

- Quy định cách xử lý đối với loài vừa thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, vừa thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Theo đó, loài thuộc cả 2 Danh mục thì thực hiện theo

quy định tại Nghị định này, ngoại trừ trường hợp hoạt động khai thác tạo nguồn giống ban đầu phục vụ nghiên cứu khoa học (khoản 3, Điều 40).

- Quy định chuyển tiếp về các cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý hiếm đã được cấp giấy chứng nhận theo các quy định trước đây thì mở sổ theo dõi nhằm đảm bảo hoạt động bình thường; các tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, chứng chỉ; chấp thuận quá cảnh trước ngày Nghị định có hiệu lực; đã nộp hồ sơ đề nghị đăng ký cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì thực hiện theo quy định tại Nghị định (Điều 41).

3.7. Về thủ tục hành chính: so với quy định về TTHC hiện hành, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP đã bãi bỏ 07 TTHC, thay thế 06 TTHC, ban hành mới 01 TTHC (Cấp ấn phẩm Chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm); giảm thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc đối với TTHC về cấp giấy phép CITES.

**TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**